

Số: 234/BVĐKHL

Hạ Long, ngày 11 tháng 8 năm 2023

“V/v thông báo nhu cầu thẩm định giá vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm cho Bệnh viện Đa khoa Hạ Long năm 2023-2024”

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty thẩm định giá vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm

Bệnh viện Đa khoa Hạ Long có nhu cầu tiếp nhận báo giá thẩm định giá vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2023-2024 như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Hạ Long - Khu Trới 2 - phường Hoàn Bò - T.P Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên lạc của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Hoàng Tuấn, nhân viên phòng Kế hoạch - Vật tư Thiết bị y tế, SĐT: 0983.936.073, email: vanthubenhvienhalong@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Hạ Long - Khu Trới 2 - phường Hoàn Bò - T.P Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua Email: vanthubenhvienhalong@gmail.com

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 11 tháng 8 năm 2023 đến trước 16h30' ngày 20 tháng 8 năm 2023.

Các báo giá được tiếp nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá: Thẩm định giá của các mặt hàng Vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2023-2024 cho Bệnh viện Đa khoa Hạ Long (Chi tiết tại Phụ lục 1, 2 kèm theo)

Bệnh viện Đa khoa Hạ Long trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các công ty;
- Lưu VT

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Phương

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ NĂM 2023 – 2024

(Kèm theo Công văn số: 239 /BVDKHL ngày 11/8/2023 của Bệnh viện Đa khoa Hạ Long)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	Vật tư y tế thông dụng				
1	Viên khử khuẩn 2,5g	Viên nén khử khuẩn Germisep Thành phần: Sodium Dichloroisocyanurate 50%, Citric Acid 10-20%, Sodium Benzoate 10-20% và thành phần khác.	Viên	10.000	
2	Chloramin B	Clo đạt 25- 27%, bột trắng có mùi đặc trưng	Kg	300	
3	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các số	Làm bằng thép không gỉ, tiết trùng bằng tia gamma	Cái	3.000	
4	Điện cực tim người lớn	Hiệu Skintact. Điện cực dán người lớn, loại dùng 1 lần. Gel Aqua-Tac, lớp lót - độ dính Foam, kích thước Ø50x55mm, ứng dụng Short term. Đơn vị tính: 1 cái, Gói/ 30 cái.	Cái	5.000	
5	Khẩu trang y tế	Đạt TCCS: Kiểu Móc tai; Hiệu suất lọc bụi (PEE): >97%; áp lực thở: <20mmHg; Hiệu suất vi khuẩn: >97%, không có vi khuẩn và nấm mốc; đóng gói 1 lớp nilon và vỏ hộp giấy - Vải không dệt, vải viền - Giấy vi lọc kháng khuẩn, vải than hoạt tính - Thanh nẹp mũi làm bằng kẽm - Dây thun đeo tai dạng tròn - Che phủ miệng và lọc khuẩn, bụi bẩn khi tiếp xúc với môi trường dịch bệnh, độc hại nguy hiểm	Cái	30.000	
6	Mũ giấy dùng 1 lần	Gạc không dệt màu xanh, trắng. Dây thun chỉ. Chỉ may. Bao bì PE, thùng Carton. Gạc không dệt: Được sản xuất từ vải PP. Chiều dài: 21 cm ± 2 cm Chiều rộng: 2.3 cm ± 0,2 cm Đường kính khi mở: 48cm ± 2 cm	Cái	7.500	
7	Bút đánh dấu vết mổ	Bút đánh dấu da đầu kép, đầu bút nhọn và đều với thước kẻ, vô trùng. Mực tím gentian không thể xóa nhòa. Tương thích sinh học, không độc hại và không gây kích ứng.	Cái	36	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Giấy in siêu âm đen trắng	- Dạng cuộn, chiều rộng 110mm, chiều dài 20m. Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn. - Đựng trong túi thiếc bảo quản - Giải màu xám hiện thị rõ nét với độ phân giải cao, độ bền hình ảnh tốt, in ra bản in tương đương với bản gốc, độ phân giải cao - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, EC	cuộn	300	
9	Anti A	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A: dòng vô tính sifin A-11H5	lọ	10	
10	Anti B	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B:	lọ	10	
11	Anti AB	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB: dòng vô tính sifin A-5E10 và dòng vô tính sifin B-2D7	lọ	10	
12	AntiD IgG-IgM	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai	lọ	10	
13	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần gồm thân kim và chân kim, đường kính thân kim từ 0.16 mm - 0.45 mm, độ dài thân kim: 1.3mm đến 100 mm. Thân kim được làm bằng thép không gỉ, cán kim được cuốn bằng sợi thép	cái	250.000	
14	Kim quang dẫn laser nội mạch	Kim quang dẫn được làm từ vật liệu phân tử vì vậy nó mềm dẻo và linh hoạt khi sử dụng	cái	1.000	
15	Nhiệt kế điện tử cầm tay đo trán	- Đo nhanh chóng trong 1 giây. - Phạm vi đo: Chế độ đo trán: Từ 34.0°C đến 42.2°C (93.2°F–108.0°F). Chế độ đo bề mặt: Từ -22.0°C đến 80°C (-7.6°F–176.0°F). Chế độ đo nhiệt độ phòng: Từ 10°C đến 40°C (50°F–104°F). - Điện thế: 3 VDC, 1 pin loại CR2032 - Tuổi thọ của pin khoảng 2.500 lần đo. - Lưu 25 lần đo. - Báo tình trạng sốt với tiếng bíp. - Có thể lựa chọn giữa độ C & độ F. + An toàn không chứa thủy ngân	cái	10	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
16	Băng chỉ thị nhiệt 3M	Băng chỉ thị tiết trùng nhiệt độ thấp dạng cuộn dài 50m, rộng 12mm. Với độ bám dính tốt, dùng để dán trên gói hàng gia công tiết trùng. Chỉ thị màu chuyển từ xanh da trời sang màu đỏ rượu cho thấy dụng cụ đã được tiết trùng	cuộn	300	
17	Nhiệt kế thủy ngân	Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân	cái	60	
18	Giấy điện tim 6 cần	- Được ứng dụng nhiều trong các bệnh viện và phòng khám y tế. - Là một thương hiệu đáng tin cậy với sự hiện diện trên toàn cầu. - Khả năng in ấn chất lượng cao, dính mực tốt, đảm bảo bản in sinh động và sắc nét. - Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485.	Tập	400	
19	Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng, khonogcos formaldehyde, không phát hiện vi khuẩn Staphylococcus, Pseudomonas aeruginosa. Tổng số vi sinh vật khi hiếu <10 CFU/g, . Không gây mẫn cảm hoặc dát da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước.	can ≥ 5 lít	50	
20	Gel bôi trơn K-Y	Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo...đã được tiết trùng.	tube	150	
21	Bộ đo huyết áp ống nghe	Ống nghe tim phổi ALP K2 bao gồm chuông nghe và màng nghe Ống chữ Y nhựa P.V.C trọng Lượng : 130g	bộ	30	
22	Bao cao su	* Tính chất: Sản phẩm làm từ mủ cao su tự nhiên * Kích thước: Dài: 170 ± 2mm Rộng: 49 hoặc 52 ± 2mm Độ dày: 0,065 ± 0,015mm * Hàm lượng cát bôi trơn bao gồm hương liệu: 550 ± 150 mg. Chất bôi trơn silicon không gây độc hại, không gây dị ứng.	Cái	5.000	
23	Test xét nghiệm nhanh Anti-HIV	- Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu 99,75%, Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Hàm lượng chính: Antibody, anti HIV-1, Antibody,Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen,(pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O,Antigen,(PjC100)HIV-2, Antigen,(pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1)HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen. - Sinh phẩm nằm trong khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia của Viện vệ sinh dịch tễ Trung Ương	test	10.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
24	Test xét nghiệm nhanh HBsAg	Độ nhạy 98,4% , độ đặc hiệu 99,6%; Xét nghiệm có thể phát hiện ở nồng độ 0.1IU/ml. Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. Sử dụng được cho tất cả các loại mẫu bệnh phẩm bao gồm: Huyết thanh, huyết tương, máu tĩnh mạch, máu đầu ngón tay của Người. Thành phần tại vạch test: Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HbsAg Biotinyl và các hạt màu đen được phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HBsAg. Hàm lượng : Anti-HBs antibody A1 (233ng/Test); Anti-HBs antibody B1 (17 ng/Test); Anti-HBs antibody B2 (6 ng/Test); Anti-HBs antibody B3 (6 ng/Test); Kháng thể trên thanh kiểm soát (17 ng/Test) Xét nghiệm phát hiện được ít nhất 14 đột biến khác nhau của HbsAg bao gồm: P120Q, T123A, T126N, T126S, Q129R, Q129H, Q129L, M133H, M133L, K141E, P142S, T143K, D144A và G145R. "	Test	5.000	
25	Test xét nghiệm nhanh HCG	Thành phần cấu tạo - Test thử : Kháng thể đơn dòng kháng hCG- α , Kháng thể đơn dòng kháng hCG- β , Kháng thể đề kháng IgG chuột, HAUCl ₄ , Na ₂ HPO ₄ , NaH ₂ PO ₄ , Sucrose, NaCl, Triton-X, PVA-10, PVP-10, Na ₂ CO ₃ . - Cốc làm từ nhựa nguyên sinh.	Test	1.000	
26	Ống nghiệm EDTA K3, 2ml nắp xanh dương	*Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích 2ml , nắp nhựa màu xanh dương. * Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Ethylenediaminetetraacetic Acid Tripotassium Salt Dihydrate (EDTA K3), có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. * Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). * Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..). * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016.	Ống	60.000	
27	Ống nghiệm Heparin lithium, 2ml nắp đen	* Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích 2ml nắp nhựa màu đen * Bên trong chứa chất kháng đông Lithium Heparin, có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. * Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). * Dùng xét nghiệm Ion đồ Na ⁺ , K ⁺ , Ca ²⁺ , Cl ⁻ ... trừ Li ⁺ . Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH ₃ và định lượng Alcool trong máu. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Ống	60.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
28	Ống nghiệm Citrate 3,2%, 2ml nắp xanh lá	* Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích 2ml, nắp nhựa màu xanh lá * Bên trong chứa chất kháng đông Trisodium Citrate Dihydrate 3.2% , có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Ống	300	
29	Bộ nhuộm Ziehl-Neelsen	"Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbol Fuchsin chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 250ml và Methylene Blue chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 3 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng	Bộ	2	
30	Bộ nhuộm gram	"Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol- acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng	Bộ	4	
31	Parafin	Màu trắng đục, sáp thanh	Kg	400	
32	Dầu parafin Vinphaco	Dầu parafil, dung dịch lỏng trong, không màu, không mùi	Chai	10	
33	Bơm hút Carman 1 van	Phá bỏ (Hút) thai nhỏ (sau chậm kinh khoảng 1-2 tuần) bằng Bơm hút tay chân không, không sử dụng điện. Điều trị sảy thai không trọn hoặc Sinh thiết nội mạc tử cung. Hiệu quả 98%, với tỷ lệ biến chứng thấp. Bộ/ Túi Khử khuẩn EO	Cái	5	
34	Ống hút điều kinh	-Ống hút có kích thước dài 22cm, các cỡ 4, 5, 6. -Tiệt trùng bằng khí E.O -1 cái/bịch	Cái	20	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
35	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai	Vòng tránh thai New Choice Model T Cu 380A (Copper T 380A), kích thước chiều rộng 32 ± 0.50 mm; chiều dài: -36 ± 0.50 mm, được làm từ hợp chất của nhựa Polyethylene và Barium Sulphate. Trục ngang của Vòng tránh thai có quần dây đồng. Trên khung chữ T, ở phần chân được buộc một sợi dây được làm từ nhựa PE tỉ trọng cao.	Cái	50	
36	Đầu côn vàng	- Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip sắc (có khóa) - Thể tích tối đa 200ul (tương đương 0.2ml)	Cái	1.000	
37	Đầu côn xanh 1-200ul	- Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip sắc (có khóa) - Thể tích tối đa 1000ul (tương đương 1ml)	Cái	1.000	
38	Giấy in nhiệt các cỡ	Giấy in cho máy sinh hóa, huyết học 110mm x 20m	Cuộn	500	
39	Hộp đựng vật sắc nhọn	Hộp an toàn, dung tích 5 lít, màu vàng, được tráng PE cả mặt trong và mặt ngoài, phân loại A trang thiết bị Y tế	Cái	500	
40	Túi đựng nước tiểu	- Van túi đựng nước tiểu một chiều, tránh bị chảy ngược - Màu trắng hoặc trong suốt - Dung tích: 1000ml, 1500ml, 2000ml - Có vạch đo rõ ràng trên phần thân túi - Dây dẫn nước tiểu dài 90 cm, không cổng mẫu, không kẹp, không có móc treo, được làm bằng nhựa PVC - Cổng thoát nước có 3 loại van: Van đẩy kéo, van vặn và van chữ T	Cái	1.000	
41	Que đê lưới gỗ	Được làm từ gỗ tự nhiên, sấy khô, đánh bóng, mỗi que được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm	Cái	15.000	
42	Chỉ thị hóa học	Tiệt khuẩn hóa học kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn plasma. Thông số: 50°C, 6 phút, 2.3mg/l, kích thước 65*14 mm. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11140-1 loại 4	Que	1.000	
43	Clip mạch máu Titanium	Clip kẹp mạch máu Titan có cấu tạo rãnh đặc biệt hình tim, ngăn ngừa vỡ mạch máu và tuột khi phẫu thuật. Cấu tạo vì giúp người dùng dễ dàng lấy clip. Các cỡ ML, L. Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái	200	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
44	Bộ dụng cụ cắt trĩ longo dùng 1 lần	Dụng cụ đã được tiệt trùng bằng khí EO, dùng 1 lần cắt, khâu, nối tự động búi trĩ bằng phương pháp Longo. - Cỡ nòng tương đương là: 32 mm, 34 mm, 36 mm. Số Stapler tương ứng là: 30, 32, 34 . Sự sắp xếp hợp lý của các đinh ghim, sẽ làm giảm hạn chế chảy máu sau thủ thuật. Chiều cao của các đinh ghim là 3.8 mm. - Ghim được bấm có hình dạng chữ B, đảm bảo cho nuôi dưỡng mô bởi các vi mạch. - Bộ phận chỉ dẫn quan sát được dễ dàng cho phẫu thuật viên điều chỉnh chiều cao ghim từ 0.8 đến 1.5 mm - Thước nong được làm bằng nhựa trong, có chia vạch. Dễ dàng quan sát được các vị trí và mốc tại hậu môn để làm thủ thuật chính xác - Phần đuôi của dụng cụ được cải tiến, có nấc cầm, dễ dàng vận chuyển trước khi bấm máy - Thẻ tích lòng máng cắt rộng , dễ dàng áp dụng cho các búi trĩ lớn.	Bộ	10	
45	Dây dẫn đường niệu quản (Guide Wire Hydrophilic)	- Kích cỡ: 0.018", 0.025", 0.032", 0.035", 0.038" dài 150cm & 260cm. - Lõi Nitinol chống xoắn, phủ lớp Polyurethane. - Đầu và thân được phủ lớp Hydrophilic mềm mại dễ dàng đặt, giảm chấn thương niệu quản. - Có 3 loại đầu dẫn: đầu thẳng, đầu góc và đầu cong Bentson. - Có điểm cản quang ở phía đầu dây dẫn.	Cái	5	
46	Dây dẫn đường trong niệu quản (Guide Zebra)	- Kích cỡ: 0.025", 0.032", 0.035", 0.038" dài 150cm. - Lõi Nitinol chống xoắn, phủ lớp PTFE mềm mịn hạn chế gây tổn thương niệu quản. - Thân có sọc xanh và trắng được thiết kế để cung cấp hình ảnh nội soi rõ ràng về chuyển động của dây. - Có 3 đầu loại: đầu thẳng, đầu góc và đầu 3mm "J". - Có điểm cản quang ở phía đầu dây dẫn giúp dễ dàng xác định vị trí dây dẫn	Cái	2	
47	Dây quang chuyên dùng cho máy tán sỏi laser (Fibers)	Dây dài $\geq 3m$, đường kính trong của dây là $600\mu m$, đường kính ngoài dây là $800\mu m$ (sai số $\pm 5\%$) . Sử dụng cho máy tán sỏi của hãng boston.	Cái	5	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
48	Rọ lấy sỏi niệu quản	- Đường kính: 2.4Fr, 3.0Fr, 4.5Fr. Dài 90 & 120cm - Độ mở rọ: 16-20mm - Chất liệu Polyimide dẻo, chịu nhiệt tốt, bền. - Công nghệ dây "Permaform" thiết kế để giữ hình dạng ổn định của rọ, tăng độ bền của dây, giảm chấn thương niệu quản. - Dây kéo được thiết kế đặc biệt để đảm bảo hoạt động kéo thả nhiều lần, an toàn. + Sản phẩm không chứa Diethylhexyl phthalate DEHP,	Cái	5	
49	Dây dẫn đường Guidewire PTFE	Cỡ: 0.035", dài 150 cm, phủ hydrophilic Cấu tạo bằng thép không gỉ, thiết kế linh hoạt đầu cong hoặc đầu thẳng	Cái	5	
50	Dụng cụ kẹp Hemolok có thể tái sử dụng	Kìm kẹp clip polymer Hemolok nội soi cỡ ML, chất liệu thép không gỉ, dài 32cm. Cỡ ML đi qua trocar 5mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	1	
51	Sonde JJ số 6	Chất liệu Bằng Polyurethane. Bao gồm: Xông (sonde), que đẩy, chỉ rút xông. Thời gian đặt lưu trong cơ thể ≥ 30 ngày. Có các kích thước: 4,7 ÷ 8Fr. Chiều dài: ≥ 15 cm. Đã tiệt trùng.	Cái	10	
52	Đinh kirschner các số	Đinh Kirschner hai đầu nhọn, các số từ 1.0mm trở lên, chiều dài 150mm-300mm. Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	100	
53	Nẹp mắt xích bản hẹp 6 lỗ	Chất liệu: Titanium Alloy. 6 lỗ, bản hẹp. Bề mặt phủ lớp Titanium Nitride (TiN) chống gỉ bằng phương pháp PVD, độ dày 0.6 - 0.9 μ m. Dùng với vít 2.7/3.5/4.0mm và đi kèm trợ cụ tương thích. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	10	
54	Nẹp mắt xích bản vừa 6 lỗ	Chất liệu: Titanium Alloy. 6 lỗ, bản vừa. Bề mặt phủ lớp Titanium Nitride (TiN) chống gỉ bằng phương pháp PVD, độ dày 0.6 - 0.9 μ m. Dùng với vít 2.7/3.5/4.0mm và đi kèm trợ cụ tương thích. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	10	
55	Nẹp mắt xích bản hẹp 8 lỗ	Chất liệu: Titanium Alloy. 8 lỗ, bản hẹp. Bề mặt phủ lớp Titanium Nitride (TiN) chống gỉ bằng phương pháp PVD, độ dày 0.6 - 0.9 μ m. Dùng với vít 2.7/3.5/4.0mm và đi kèm trợ cụ tương thích. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	10	
56	Nẹp mắt xích bản vừa 8 lỗ	Chất liệu: Titanium Alloy. 8 lỗ, bản vừa. Bề mặt phủ lớp Titanium Nitride (TiN) chống gỉ bằng phương pháp PVD, độ dày 0.6 - 0.9 μ m. Dùng với vít 2.7/3.5/4.0mm và đi kèm trợ cụ tương thích. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	10	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
57	Vít xương cứng 3.5mm các cỡ	Chất liệu: Titanium Alloy. Toàn ren, tự taro. Đường kính lõi 2.4mm. Chiều dài từ 12 - 50mm với bước tăng 2mm, chiều dài từ 55 - 80 với bước tăng 5mm. Bề mặt phủ lớp Titanium Nitride (TiN) chống gỉ bằng phương pháp PVD, độ dày 0.6 - 0.9µm. Đầu bắt vít hình ngôi sao. Dùng với nẹp và đi kèm trợ cụ tương thích. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	280	
58	Mũi khoan xương các số	Mũi khoan xương các cỡ 1.5mm, 2.7mm, 3.5mm. Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	3	
59	Chỉ thép cuộn mềm 2mm	Chỉ thép 2.0mm	cuộn	1	
60	Chỉ thép liền kim các cỡ	Dài 75cm kim 1/2 kim tam giác vòng kim 50mm	Cái	10	
61	Nẹp lòng máng 6 lỗ	Chất liệu: Titanium Alloy. 6 lỗ. Bề mặt phủ lớp Titanium Nitride (TiN) chống gỉ bằng phương pháp PVD độ dày 0.6 - 0.9µm. Dùng với vít 3.5mm và đi kèm trợ cụ tương thích. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	cái	5	
62	Nẹp lòng máng 8 lỗ	Chất liệu: Titanium Alloy. 8 lỗ. Bề mặt phủ lớp Titanium Nitride (TiN) chống gỉ bằng phương pháp PVD độ dày 0.6 - 0.9µm. Dùng với vít 3.5mm và đi kèm trợ cụ tương thích. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	5	
63	Vít xóp các số các cỡ	Chất liệu: Titanium Alloy. Toàn ren. Đường kính 4.0mm. Chiều dài từ 10 - 60mm với bước tăng 2mm. Bề mặt phủ lớp Titanium Nitride (TiN) chống gỉ bằng phương pháp PVD, độ dày 0.6 - 0.9µm. Đầu bắt vít hình ngôi sao. Dùng với nẹp và đi kèm trợ cụ tương thích. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	50	
64	Vít xương cứng 1.5mm	Chất liệu: Titanium Alloy. Toàn ren, tự taro. Đường kính lõi 1.5mm. Chiều dài từ 12 - 50mm với bước tăng 2mm, chiều dài từ 55 - 80 với bước tăng 5mm. Bề mặt phủ lớp Titanium Nitride (TiN) chống gỉ bằng phương pháp PVD, độ dày 0.6 - 0.9µm. Đầu bắt vít hình ngôi sao. Dùng với nẹp và đi kèm trợ cụ tương thích. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	50	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
65	Nẹp xương bàn ngón chân các cỡ	Chất liệu: Titanium Alloy. Số lỗ 4-8 lỗ. Độ dày 1.3mm, rộng 5.0mm. Dùng trong nẹp bàn ngón tay. Bề mặt phủ lớp Titanium Nitride (TiN) chống gỉ bằng phương pháp PVD, độ dày 0.6 - 0.9µm. Đầu bắt vít hình ngôi sao. Dùng với vít 1.5mm và đi kèm trợ cụ tương thích. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	10	
66	Nẹp xương bàn tay chân các cỡ	Chất liệu: Titanium Alloy. Số lỗ 4-8 lỗ. Độ dày 1.3mm, rộng 5.0mm. Dùng trong nẹp bàn ngón chân. Bề mặt phủ lớp Titanium Nitride (TiN) chống gỉ bằng phương pháp PVD, độ dày 0.6 - 0.9µm. Đầu bắt vít hình ngôi sao. Dùng với vít 1.5mm và đi kèm trợ cụ tương thích. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	10	
67	Tuốc nơ vít cho vít xương cứng 1.5mm	Tuốc nơ vít các cỡ 1.5mm. Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	1	
68	Tuốc nơ vít cho vít xương cứng 3.5mm	Tuốc nơ vít các cỡ 3.5mm. Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	1	
69	Tuốc nơ vít cho vít xương cứng 4.5mm	Tuốc nơ vít các cỡ 4.5mm. Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	Cái	1	
B	Găng, dây truyền dịch, sonde và vật tư tiêu hao khác				
1	Dây truyền dịch có kim bướm	Kích cỡ kim: 22G x 1 x ¼" Nguyên liệu: Chất liệu làm dây truyền dịch: Nhựa PVC Chiều dài dây truyền: 1.800mm Không có chất gây sốt (pyrogene) Đường kính, độ dài kim, vật liệu kết cấu kim tiêm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế: Tiêu chuẩn chất lượng: sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016;	Bộ	45.000	
2	Dây nối bơm tiêm điện	Đặc điểm kỹ thuật: • Dành cho mục đích sử dụng một lần cho kết nối của một / hai hoặc nhiều đường tiêm truyền. • Ống PVC trong suốt được kết thúc bằng đôi hoặc bốn • Khóa Luer Nữ / Khóa Luer Nam. • Kẹp trượt được cung cấp để đóng một đường dẫn chất lỏng cụ thể • Tất cả các Luers đều có mức giảm dần 6% theo tiêu chuẩn ISO 80369-7: 2016 • Ống PVC không chứa Phthalate • Độ dài dây nối: 10cm, 25cm, 50cm, 75cm, 100cm, 150cm, 200cm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	500	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
3	Khóa ba ngã có dây nối dài 100cm	Đặc điểm kỹ thuật: • Được sử dụng để chuyển vị trí thao tác ra khỏi vị trí chọc hút tĩnh mạch. • Khóa ba chiều quản lý cơ sở vật chất bổ sung từ cổng bên cũng như chuyển đổi đường dây. • Có chiều dài ống từ 5cm đến 500cm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	100	
4	Khóa ba ngã có dây nối 25cm	Đặc điểm kỹ thuật: • Được sử dụng để chuyển vị trí thao tác ra khỏi vị trí chọc hút tĩnh mạch. • Khóa ba chiều quản lý cơ sở vật chất bổ sung từ cổng bên cũng như chuyển đổi đường dây. • Có chiều dài ống từ 5cm đến 500cm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	150	
5	Dây truyền máu	Sản xuất theo công nghệ Teruflex (Công nghệ chuyên dụng cho sản xuất túi máu). Dây dài 180cm, màng lọc siêu nhỏ với kích thước lỗ lọc từ 175- 210µm. Tốc độ dòng chảy: 20 giọt/mL. Không chứa chất độc hại (nontoxic), không chứa chất gây sốt (non pyrogenic), khóa hãm bằng nhựa trong để quan sát. Chất liệu dây: Vinyl Chloride, có kim truyền không cánh cõ 18G, thành mỏng, phủ silicon, đốc kim trong suốt tiệt trùng bằng khí EO. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC	Bộ	120	
6	Găng khám bệnh các cỡ	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên, chưa tiệt trùng, chỉ sử dụng 1 lần và thuận cả 2 tay. Bề mặt nhẵn toàn bộ bên ngoài găng hoặc nhám ngón, có phủ bột, chiều dài 220mm-240mm (theo size) - Màu trắng tự nhiên - Các cỡ: XS/S/M/L - Tiêu chuẩn: ISO 9001 – ISO 13485	Đôi	80.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
7	Găng tay sản khoa các cỡ tiết trùng	Găng tay vô trùng dùng khám phụ khoa, sản khoa; làm từ cao su thiên nhiên, có bột chống dính; không gây kích ứng da. Đóng gói tiết trùng từng đôi trong túi giấy PE. Chiều dài 490mm -500mm Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:2016 Kích cỡ: size S,M,L	Đôi	500	
8	Găng tay phẫu thuật tiết trùng các cỡ	Được làm bằng nhựa PVC không độc. Có bóng, cong 90 độ. Đầu van có khóa. Đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Không có cao su. Các cỡ	Cái	100	
9	Canuyn mờ khí quản có bóng các cỡ	- Chiều dài : 280±5mm - Có phủ bột ngô biến tính chống dính - Sản xuất từ cao su (Latex) thiên nhiên mềm mại, độ bền cao - Tiết trùng bằng khí EO Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...) tiết trùng bằng khí EO. Găng loại có phủ bột và không bột, bề mặt nhẵn hoặc nhám	Đôi	50.000	
10	Sonde foley 2 nhánh các cỡ	Bề mặt và đầu nhẵn cho phép chèn không gây chấn thương để tăng cường sự phù hợp cho bệnh nhân. Bọc 100% silicone , dùng tốt cho bệnh nhân dị ứng latex. Lỗ bên đường kính lớn hơn tối đa hóa lưu lượng nước tiểu và giảm đông máu. Có 2 loại Van cao su (Van mềm) và Van nhựa (Van cứng). Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	1.200	
11	Sonde foley 3 nhánh silicon	Vật liệu Silicone, Bề mặt và đầu nhẵn cho phép chèn không gây chấn thương để tăng cường sự phù hợp cho bệnh nhân. Bọc 100% silicone , dùng tốt cho bệnh nhân dị ứng latex. Dung tích bóng từ 3ml-50ml. Tiết trùng bằng khí EO.	Cái	500	
12	Sonde chữ T các số	Chất liệu cao su y tế, tiết trùng.	Cái	100	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
13	Sonde Petze các cỡ	Bề mặt: - Bề mặt nhẵn và đầu nhọn cho phép chèn không tổn thương để nâng cao sự phù hợp của bệnh nhân - Được làm từ cao su tự nhiên, phủ silicone, tốt cho bệnh nhân dị ứng latex - Kích thước từ 12 Fr đến 40 Fr - Chiều dài ống: 400 mm. Tốc độ dòng chảy 100 ml/phút với các số từ 16Fr. - Sử dụng một lần - Tiệt trùng bằng khí EO - Van nhựa hoặc cao su	Cái	50	
14	Ống thông malecot	Bề mặt: - Bề mặt nhẵn và đầu nhọn cho phép chèn không tổn thương để nâng cao sự phù hợp của bệnh nhân - Được làm từ cao su tự nhiên, phủ silicone, tốt cho bệnh nhân dị ứng latex - Kích thước từ 12 Fr đến 40 Fr - Chiều dài ống: 400 mm. Tốc độ dòng chảy 100 ml/phút với các số từ 16Fr. - Sử dụng một lần - Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	30	
15	Ống nội khí quản có bóng các số	Đặc điểm kỹ thuật: - Chất liệu: nhựa PVC không độc, trong suốt, mềm và trơn - Không bóng - Có lỗ murphy, X quang mờ qua ống - Cỡ: 2.0mm-10mm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Cái	500	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
16	Dây hút dịch (nhót) các số	- Được làm từ chất liệu PVC (có DEHP hoặc không), tay cầm Yankauer làm từ nhựa K - Thành dây dẫn khá dày, đủ để dây không bị xẹp khi sử dụng dưới áp suất âm - Chiều dài: 2m, 3m,... - Tay cầm Yankauer có 3 loại đầu mút: Plat, Bulb và Crown	Cái	500	
17	Dây thở oxy 2 đường trẻ em	Chất liệu PVC y tế (có DEHP hoặc không), gồm dây dẫn và đầu mút mũi - Chiều dài: 1,8 hoặc 2m - Đường kính trong: 5mm, 6mm - Lõi ngôi sao, giúp hạn chế rủi ro tắc đường dẫn khí khi dây bị gập	Cái	500	
18	Dây thở oxy 2 đường người lớn	Chất liệu PVC y tế (có DEHP hoặc không), gồm dây dẫn và đầu mút mũi - Chiều dài: 1,8 hoặc 2m - Đường kính trong: 5mm, 6mm - Lõi ngôi sao, giúp hạn chế rủi ro tắc đường dẫn khí khi dây bị gập - Có 2 loại đầu nối: Trượt và khoá - Có 3 loại mút đầu mũi: thẳng, cong, loe	Cái	1.500	
19	Mask thở oxy người lớn	Được làm từ nhựa PVC, Có túi hơi dự trữ oxy Ống hơi được mở an toàn Mặt nạ với dây treo đàn hồi Kẹp mũi điều chỉnh được, ống 2m, được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ	Cái	2.000	
20	Mask nạ thở oxy trẻ em	Được làm từ nhựa PVC, Có túi hơi dự trữ oxy Ống hơi được mở an toàn Mặt nạ với dây treo đàn hồi Kẹp mũi điều chỉnh được, ống 2m, được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ	Cái	1.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
21	Mask thở oxy có túi	- Cả mặt nạ, dây dẫn, túi chứa khí, đầu nối đều được làm từ nhựa PVC y tế (Có DEHP hoặc không), không mùi - Được cấu nên từ các hạt Polyvinyl chloride màu trắng và xanh trong suốt - Dây dẫn dài 2.1m	Cái	100	
22	Sonde nenatol	Bằng nhựa y tế, đầu hờ với 2 lỗ. Ống dài khoảng 40cm ($\pm 5\%$)	cái	500	
23	Sonde dẫn lưu màng phổi các số	Chất liệu: 100% silicone Tính năng: Đường mờ vô tuyến xuyên suốt chiều dài để nhận diện được bởi tia X Có 2 lỗ (hình tròn hoặc hình bầu dục) ở cuối Đóng gói trong túi vì cá nhân Kích thước: Chiều dài Fr32 48,5cm, có thể được tùy chỉnh	Cái	150	
24	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	- Sản xuất từ cao su thiên nhiên, đã tiệt trùng, sử dụng 01 lần. Chiều dài (mm): 340 ± 5 Chiều dày 1 lớp (mm): $2 \pm 0,4$ Đường kính ngoài (mm): $9 \pm 0,7$ Đường kính ngoài (mm): $5 \pm 0,3$ Số lỗ : 8 Màu sắc: Vàng nhạt đồng nhất Được sản xuất từ cao su thiên nhiên bằng công nghệ nhúng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	150	
25	Sonde dẫn lưu dạ dày các số	Làm từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh; Có sẵn dòng tia X - Ống Ticker (hơn ống cho ăn) có thể được sử dụng để hút dịch dạ dày ra ngoài để xét nghiệm - Bộ kết nối được mã hóa màu để xác định kích thước nhanh chóng	Cái	200	
26	Sonde hậu môn	- Chất liệu PVC y tế, không mùi (có DEHP hoặc không) - Có tia X - Được mã hoá màu sắc cho các dây thông	Cái	100	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
C	Bơm tiêm, bằng, gạc				
1	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml	Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Là Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Bơm tiêm nhựa dung tích 1ml Piston có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. đóng gói 1 cai/ túi PE, tiệt trùng bằng khí E.O. Tiêu chuẩn chất lượng: Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Cái	2.000	
2	Bơm tiêm sử dụng một lần 5 ml	Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Là Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Bơm tiêm nhựa dung tích 5 ml Piston có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. đóng gói 1 cai/ túi PE, tiệt trùng bằng khí E.O. Tiêu chuẩn chất lượng: Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Cái	160.000	
3	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml	Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Là Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Bơm tiêm nhựa dung tích 10ml Tiệt trùng bằng khí E.O Tiêu chuẩn chất lượng: Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Cái	130.000	
4	Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml	Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Là Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Bơm tiêm nhựa dung tích 20ml Piston có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. đóng gói 1 cai/ túi PE, sau đó sản phẩm được xử lý tiệt trùng bằng khí E.O Tiêu chuẩn chất lượng: Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016;	Cái	10.000	
5	Bơm tiêm sử dụng một lần 50ml	Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Là Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Bơm tiêm nhựa dung tích 50ml Piston có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. đóng gói 1 cai/ túi PE, tiệt trùng bằng khí E.O Tiêu chuẩn chất lượng: Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016;	Cái	1.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
6	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa dung tích 50ml, đốc to lắp vừa dây cho ăn. Piston có khía bề gầy để hủy sau khi sử dụng. Đóng gói 1 cai/ túi PE, tiệt trùng bằng khí E.O Tiêu chuẩn chất lượng: Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Cái	1.000	
7	Bông y tế hút nước	- Sản phẩm được sản xuất từ bông xơ thiên nhiên 100% cotton, có độ thấm hút cao - Bông trắng, không mùi, xơ bông mảnh, mềm mại, trắng mịn không có xơ ngoại lai, không lẫn tạp chất, mảnh lá và vỏ hạt. Tầm bông dày mỏng đa dạng đáp ứng yêu cầu của Bệnh viện - Không mùi, không vị. Không độc tố và không gây dị ứng. - Tốc độ hút nước: ≤ 5 giây - Độ ẩm: ≤ 8%; pH: Trung tính; không có tinh bột và Dextrin - Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam. - Quy cách: 1kg/ gói. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; ISO 45000:2018; Thực hành sản xuất tốt GMP; Chứng nhận CE.	Kg	320	
8	Bông tiêm 2cm x 2cm vô trùng	Nguyên liệu: Được làm từ bông hút nước 100% cotton. Màu trắng. Đặc tính: - Kích thước: 2x 2cm. - Khả năng giữ nước ≥ 20g nước/gam bông. - Tốc độ hút nước: thời gian chìm không quá 10 giây; - Chất tan trong nước: không quá 0,5%; - Giới hạn acid-kiềm: đạt trung tính; - Clorid: không quá 0,005%; - Sulfat: không quá 0,01%; - Chất béo: không quá 0,3%; - Chất màu: theo qui định; - Mất khối lượng do làm khô: không quá 8%; - Tính khuếch tán của chất dạ quang: không có Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001: 2015	Gói	150	
9	Tăm bông vô khuẩn	- Mỗi que đựng riêng trong từng ống nhựa, được tiệt trùng bằng khí EO. Dài tối đa 18cm - Thân que được làm bằng gỗ, một đầu gắn chặt với nắp ống, 1 đầu cuốn bông - Nắp ống màu đỏ được làm bằng nhựa PP chánh phẩm	Cái	2.200	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
10	Băng bột bó 10cm x 2,7m	bột thạch cao cao cấp mịn (Calcium Sulphate 98%)	Cuộn	1.500	
11	Băng bột bó 15cm x 2,7m	bột thạch cao cao cấp mịn (Calcium Sulphate 98%)	Cuộn	1.500	
12	Băng thun	Nguyên liệu: Dệt từ sợi cao su thiên nhiên và polyester. - Ngoại quan: Màu trắng, mềm, mịn, có độ đàn hồi. - Độ bền nén thùng: $\geq 180N$ - Độ giãn dài 100% sau khi căng trong 4 giờ: $\leq 105\%$ - Độ bền kéo đứt (chiều dọc): $\geq 150 N$ - Độ giãn dài khi đứt (chiều dọc): $\geq 150\%$ - Kích thước: 10cm x3.5m 1 cuộn/gói, 10 gói/gói lớn. Sản phẩm chứa trong túi nylon, không vô trùng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015, được cấp chứng nhận CE, FDA, CFS của một nước (ngoài Việt Nam)	Cuộn	100	
13	Băng thun y tế 3 móc 10cm x 2,2m	Nguyên liệu: Dệt từ sợi cao su thiên nhiên và polyester. - Ngoại quan: Màu trắng, mềm, mịn, có độ đàn hồi. - Độ bền nén thùng: $\geq 180N$ - Độ giãn dài 100% sau khi căng trong 4 giờ: $\leq 105\%$ - Độ bền kéo đứt (chiều dọc): $\geq 150 N$ - Độ giãn dài khi đứt (chiều dọc): $\geq 150\%$ - Kích thước: 10cm x 2m. 1 cuộn/gói, 10 gói/gói lớn. Sản phẩm chứa trong túi nylon, không vô trùng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015, được cấp chứng nhận CE, FDA, CFS của một nước (ngoài Việt Nam)	Cuộn	100	
14	Băng chun 2 móc các cỡ	Nguyên liệu: Dệt từ sợi cao su thiên nhiên và polyester. - Ngoại quan: Màu trắng, mềm, mịn, có độ đàn hồi. - Độ bền nén thùng: $\geq 180N$ - Độ giãn dài 100% sau khi căng trong 4 giờ: $\leq 105\%$ - Độ bền kéo đứt (chiều dọc): $\geq 150 N$ - Độ giãn dài khi đứt (chiều dọc): $\geq 150\%$ - Kích thước: 7.5cm x 2m. 1 cuộn/gói, 10 gói/gói lớn. Sản phẩm chứa trong túi nylon, không vô trùng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015, được cấp chứng nhận CE, FDA, CFS của một nước (ngoài Việt Nam)	Cuộn	100	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
15	Băng cuộn y tế 10cm x 5m	Sản xuất bằng gạc hút đạt TCCS chất liệu 100% sợi cotton. Không có loại sợi nào khác. Trọng lượng 35~40gram/m². Gạc màu trắng, không ố vàng, không mốc, cuộn chắc, có giấy bao ngoài kín. Chỉ có sợi bông, không có sợi nào khác. Hai đầu cuộn băng phải bằng, không lệch, không được có xơ. Dễ xé ngang. - Chiều dài: 5 m ± 0,2 m - Chiều rộng: 10 cm ± 0,4 cm - Không được lệch quá 5 sợi mỗi bên (trừ 2 – 3 cm cuối cuộn). - Mật độ sợi: 12 -11 sợi/cm². Mất khối lượng do làm khô: không quá 8,5% ISO 9001:2015 / ISO 13485:2016	Cuộn	10.000	
16	Băng cuộn y tế 5cm x 5m	Gạc màu trắng, không ố vàng, không mốc, cuộn chắc, có giấy bao ngoài kín. Hai đầu cuộn băng phải bằng, không lệch, không được có xơ. 1.3.2. Kích thước: - Chiều dài: 5,0 m ± 0,2 m - Chiều rộng: 5 cm ± 0,4 cm 1.3.3. Độ lệch, mật độ sợi - Không được lệch quá 5 sợi mỗi bên (trừ 2 – 3 cm cuối cuộn). - Mật độ sợi: Trên một centimet vuông có 10 sợi dọc, 8 sợi ngang. 1.3.4. Giới hạn can nối: Cuộn băng có thể là một mảnh hay hai mảnh nối lại với nhau, đường nối phải chắc. 1.3.5. Tốc độ hút nước: Thời gian chìm trong nước không quá 10 giây. 1.3.6. Mất khối lượng do làm khô: không quá 8,5%	Cuộn	1.000	
17	Băng keo lụa 5cm x 5m	Nền Taffeta trắng, 100 % sợi cellulose acetate, trọng lượng 80 +/- 3 g/m², đan dệt 44.0 x 19.5 sợi/cm. Lớp keo Zinc Oxide kẽm không dùng dung môi.	Cuộn	1.200	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
18	Gạc mô nội soi ổ bụng	Nguyên liệu: Vải dệt hút nước 100% cotton - Khả năng hút nước: > 5 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước: < 8 s; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện; - Định lượng: 23gsm; - Mật độ sợi: 16x26 sợi/inch; - Chỉ số sợi: 40s/1; - Quy cách: 30 x 40cm x 6 lớp. 2 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015, được cấp chứng nhận CE, FDA, CFS của một nước (ngoài Việt Nam)	Cái	100	
19	Gạc cầu đa khoa Fi40 x 2 lớp vô trùng	Nguyên liệu: Vải dệt hút nước 100% cotton, dây su - Khả năng hút nước: > 5 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước: < 8 s; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. - Định lượng: 23gsm - Mật độ sợi: 16x26 sợi/inch - Chỉ số sợi: 40s/1 - Quy cách: Fi 40mm x 2 lớp. 5 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015, được cấp chứng nhận CE, FDA, CFS của một nước (ngoài Việt Nam)	Cái	1.200	
20	Gạc củ ấu sản khoa vô trùng (5 miếng/ gói)	Nguyên liệu: Vải dệt hút nước 100% cotton - Khả năng hút nước: > 5 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước: < 8 s; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện; - Định lượng: 23gsm; - Mật độ sợi: 16x26 sợi/inch; - Chỉ số sợi: 40s/1; - Quy cách: 6cm x 6cm x 6cm hoặc 7cm x 7cm x 7cm. 10 cái/gói; Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015, được cấp chứng nhận CE, FDA, CFS của một nước (ngoài Việt Nam)	Cái	150	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
21	Gạc hút y tế khổ 0,8m	Quy cách đóng gói: 1kg/ cuộn - Sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, không lẫn sợi nylon, được dùng trong lĩnh vực y tế hoặc gia dụng (chăm sóc vết thương, thấm hút chất dịch, vệ sinh bề mặt da...)Bông mềm, mịn, không bụi,bông dạng dải được xếp thành hình trụ, để người sử dụng có thể tạo ra các miếng kích thước tùy ý. Đảm bảo vệ sinh an toàn, bông mềm, mịn, không gây kích ứng da. - PH (dùng dịch 100g/ lít) : Từ 5,0 đến 8,0 - Tốc độ hút nước ≤ 10 giây - Độ ẩm tối đa: 8,0 % - Chất màu: Dung dịch có màu trắng đến màu vàng nhạt. - Hàm lượng Canxi tối đa 0.015%. - Hàm lượng Clorua tối đa 0.005% - Hàm lượng Sunfat tối đa 0.01% - Tro toàn phần tối đa :0,5% - Hàm lượng chất tan tối đa 0.5% - Hàm lượng chất béo tối đa 0.3%	Mét	25.000	
22	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp vô trùng	Nguyên liệu: Vải dệt hút nước 100% cotton, Thanh/sợi cân quang. - Khả năng hút nước: > 5 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước: < 8 s; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện; - Định lượng: 23gsm; - Mật độ sợi: 16x26 sợi/inch; - Chỉ số sợi: 40s/1; - Quy cách: 30 x 40cm x 8 lớp, cân quang. 5 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015, được cấp chứng nhận CE, FDA, CFS của một nước (ngoài Việt Nam)	Cái	4.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
23	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	Nguyên liệu: Vải dệt hút nước 100% cotton - Khả năng hút nước: > 5 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước: < 8 s; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện; - Định lượng: 23gsm; - Mật độ sợi: 16x26 sợi/inch; - Chỉ số sợi: 40s/1; - Quy cách: 10 x 10cm x 8 lớp. 10 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015, được cấp chứng nhận CE, FDA, CFS của một nước (ngoài Việt Nam)	Cái	3.500	
24	Gạc phẫu thuật 7,5cm x 7,5cm x 8 lớp vô trùng	Nguyên liệu: Vải dệt hút nước 100% cotton - Khả năng hút nước: > 5 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước: < 8 s; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện; - Định lượng: 23gsm; - Mật độ sợi: 16x26 sợi/inch; - Chỉ số sợi: 40s/1; - Quy cách: 7.5 x 7.5cm x 8 lớp. 10 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015, được cấp chứng nhận CE, FDA, CFS của một nước (ngoài Việt Nam)	Cái	1.000	
25	Kim cánh bướm các số	Các cỡ kim: 23G, 25G Không có chất gây sốt (pyrogene), độc tố trong dây truyền Chất liệu làm thân kim truyền bằng thép không rỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị ôxy hoá. Vát đầu kim sắc không có gờ Được tiệt trùng bằng khí E.O Tiêu chuẩn chất lượng: Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Cái	3.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
26	Kim lấy thuốc các số	Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Không chứa chất gây sốt (pyrogene), độc tố trong kim tiêm Vật liệu làm đốc kim: Chất dẻo và được nhuộm màu theo tiêu chuẩn quốc tế Nắp đậy đầu kim: Có Tiêu chuẩn chất lượng: Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016 Hạn sử dụng: 03 năm kể từ ngày sản xuất Cỡ kim: 18G, 20G, 21G, 22G, 23G, 24G, 25G, 26G	Cái	50.000	
D	Phim x-quang, dung dịch sát khuẩn, chỉ khâu, kim luồn tĩnh mạch				
1	Phim X Quang Y Tế (Dùng cho máy in phim khô AGFA DRYSTAR 5302 14x17 inch (35x43cm))	Kích thước: 14 inch x 17 inch. Dòng phim thang xám kỹ thuật số trực tiếp thế hệ thứ 2 Độ quang học ≥ 3.2 Nền PET dày $\geq 168 \mu\text{m}$, phủ lớp muối bạc Tính chất nhạy nhiệt nhằm thay phim dễ dàng dưới môi trường sáng thông thường Chứng nhận ISO 13485, ISO 9001, CE Phù hợp với các dòng máy in Drystar	Tờ	2.000	
2	Phim dùng cho chụp X-quang y tế 35 x 43cm (Cho máy in Fujifilm DryPix Plus và Drypix 7000/6000/4000)	Dùng cho máy in phim model: DryPix Plus và drypix 7000/6000/4000. Cấu trúc phim gồm 4 tầng: tầng bảo vệ, tầng nhạy sáng, tầng phim, tầng bảo vệ. Kích thước: 35 x 43cm ($\pm 5\%$). Đạt tiêu chuẩn (ISO 13485, CE) hoặc tương đương	Tờ	1.000	
3	Phim dùng cho chụp X-quang y tế (25 x 30cm) (Cho máy in Fujifilm DryPix Plus và Drypix 7000/6000/4000)	Dùng cho máy in phim model: DryPix Plus và drypix 7000/6000/4000. Cấu trúc phim gồm 4 tầng: tầng bảo vệ, tầng nhạy sáng, tầng phim, tầng bảo vệ. Kích thước: 25 x 30cm ($\pm 5\%$). Đạt tiêu chuẩn (ISO 13485, CE) hoặc tương đương	Tờ	22.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	Phim khô laser Trimax TXE 25x30cm (10x12")	+ Phim có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt, thang màu xám thích hợp cho sự thay đổi tông màu liên tục của hình ảnh y tế. Phim cung cấp khả năng chẩn đoán hình ảnh ưu việt với độ chi tiết tốt, hình ảnh sắc nét và tông màu hình ảnh tuyệt vời. Được thiết kế để sử dụng làm phim chẩn đoán đa năng, ghi lại đầy đủ các hình ảnh từ nhiều phương thức khác nhau bao gồm chụp cắt lớp vi tính, chụp cộng hưởng từ, y học hạt nhân, siêu âm, chụp X quang thường quy, chụp X quang kỹ thuật số. Hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester. Phim có mật độ hình ảnh tối đa Dmax 3.0. đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FSC, CE. Phù hợp với máy in Laser Trimax TX55	Tờ	1.500	
5	Dung dịch sát khuẩn tay	Hoạt chất: Ethanol 73,5% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters... Chất tạo màu, hương liệu.	Chai	500	
6	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế	Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 7% (w/w), Poly(hexamethyleneguanide) hydrochloride (PHMB) 1,5% (w/w). Hệ enzyme: Protease, Lipase, Amylase. Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate.	Chai	100	
7	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	Enzyme Protease 0,5 % (w/w). Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate, C9-11 Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine. Chất tạo màu, hương liệu...	Chai	150	
8	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dụng cụ	Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 0,1% (w/w), Poly(hexamethyleneguanide) hydrochloride (PHMB) 0,1 % (w/w), Ethanol 30% (w/w). Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg ²⁺ , Ca ²⁺ : EDTA Tetrasodium. Chất chỉnh pH : Phosphoric acid, Citric Acid. Chất chống ăn mòn, hương liệu.	Can	150	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
9	Dung dịch sát khuẩn không khí và bề mặt (dạng phun sương dùng theo máy).	Hoạt chất: Hydrogen peroxide 5 % (w/w), Ion Ag 0,005 % (w/w). Hiệu quả diệt khuẩn Vi khuẩn, nấm mốc : EN 13697 Mycobacterium: EN 14348 Virus: EN 14476 Bào tử: EN 13704	Can	5	
10	Dung dịch tan gỉ (Tẩy màng bám biofilm trên bề mặt kim loại)	Hệ đa enzyme: Protease, Lipase, Amylase. Chất khóa ion Mg ²⁺ , Ca ²⁺ : Polyacrylate <1%. Chất hoạt động bề mặt: hỗn hợp ionic, nonionic. Chất chống ăn mòn, hương liệu.	Bộ	5	
11	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Nylon số 2/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide số 2/0, sợi chỉ dài 75cm. Kim thép không gỉ, được phủ silicone, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 24mm. Đóng gói vô trùng từng sợi. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, ISO 13485:2016, CE	Sợi	500	
12	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Nylon số 3/0b, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide số 3/0, sợi chỉ dài 75cm. Kim thép không gỉ, được phủ silicone, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 24mm. Đóng gói vô trùng từng sợi. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, ISO 13485:2016, CE	Sợi	800	
13	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Nylon số 4/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 4/0, sợi chỉ dài 75cm, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 19mm. Được tiệt trùng bằng tia Gamma, Ethylene Oxide. Đóng gói vô trùng từng sợi. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2012 + AC:2012. EC, FDA	Sợi	500	
14	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Nylon số 5/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide số 5/0, sợi chỉ dài 75cm. Kim thép không gỉ, được phủ silicone, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 16mm. Đóng gói vô trùng từng sợi. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, ISO 13485:2016, CE	Sợi	500	
15	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Nylon số 6/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide số 6/0, sợi chỉ dài 75cm. Kim thép không gỉ, được phủ silicone, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 12mm. Đóng gói vô trùng từng sợi. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, ISO 13485:2016, CE	Sợi	100	
16	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Nylon số 7/0, dài 75 cm	Chất liệu Polyamide 6.6, vô trùng. Sợi chỉ tròn đều, co giãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Lực căng khi thắt nút cao. Kim bằng chất liệu thép không gỉ. Chỉ số 7/0, sợi chỉ dài 75cm, kim dài 13mm, 3/8 đường tròn.	Sợi	50	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
17	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 1/0, dài 90 cm	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 40mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.	Sợi	100	
18	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 3/0, dài 90 cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim chuyên dụng gồm Niken, Titan, crome, Molybden, sắt và có độ bền kéo $\geq$ 2500Mpa, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Thân kim có rãnh giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.	Sợi	100	
19	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 4/0, dài 90 cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt bằng hợp kim chuyên dụng gồm Niken, Titan, crome, Molybden, sắt và có độ bền kéo $\geq$ 2500Mpa, dài 20mm 1/2 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn	Sợi	100	
20	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 5/0, dài 90 cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt bằng hợp kim chuyên dụng gồm Niken, Titan, crome, Molybden, sắt và có độ bền kéo $\geq$ 2500Mpa, dài 17mm 1/2 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn	Sợi	100	
21	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylenesố 6/0, dài 90 cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim chuyên dụng gồm Niken, Titan, crome, Molybden, sắt và có độ bền kéo $\geq$ 2500Mpa dài 11mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.	Sợi	50	
22	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 7/0, dài 90 cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 7/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt MultiPass CC-11 bằng hợp kim chuyên dụng gồm Niken, Titan, crome, Molybden, sắt và có độ bền kéo $\geq$ 2500Mpa, dài 11mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn	Sợi	24	
23	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 8/0, dài 90 cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 8/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt MultiPass CC bằng hợp kim chuyên dụng gồm Niken, Titan, crome, Molybden, sắt và có độ bền kéo $\geq$ 2500Mpa, dài 9.3mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn	Sợi	24	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
24	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Polyglactic acid số 1	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% chất bôi trơn Calcium Stearate, chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng hợp kim chuyên dụng gồm Niken, Titan, crome, Molybden, sắt và có độ bền kéo $\geq 2500\text{Mpa}$ có phủ silicone cải tiến, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.	Sợi	800	
25	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Polyglactic acid số 2/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH Plus, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng hợp kim chuyên dụng gồm Niken, Titan, crome, Molybden, sắt và có độ bền kéo $\geq 2500\text{Mpa}$ có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS.	Sợi	800	
26	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Polyglactic acid số 3/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH Plus, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng hợp kim chuyên dụng gồm Niken, Titan, crome, Molybden, sắt và có độ bền kéo $\geq 2500\text{Mpa}$, có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS.	Sợi	500	
27	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Polyglactic acid số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH-2 Plus bằng hợp kim chuyên dụng gồm Niken, Titan, crome, Molybden, sắt và có độ bền kéo $\geq 2500\text{Mpa}$ có phủ silicone cải tiến, dài 20mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS	Sợi	500	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
28	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Polyglactic acid số 6/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 6/0 dài 45cm, 2 kim đầu hình thang S-14 bằng hợp kim chuyên dụng gồm Niken, Titan, crome, Molybden, sắt và có độ bền kéo $\geq 2500\text{Mpa}$, có phủ silicone cải tiến, dài 8mm 1/4 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS	Sợi	100	
29	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Catgut số 5/0, dài 75 cm	Chỉ tiêu chậm đa sợi collagen tinh khiết lấy từ huyết thanh bò nhuộm với muối chrome. Chỉ số 5/0, sợi chỉ dài 75cm. Kim thép không rỉ, được phủ silicone, kim tròn đầu tròn, độ cong kim 1/2 vòng tròn, dài 26mm. Đóng gói vô trùng từng sợi. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, ISO 13485:2016, CE	Sợi	500	
30	Kim luồn tĩnh mạch dạng bút các số	Kim dạng dạng bút được làm bằng chất liệu FEP. Có khả năng lưu kim tới 96h. Có 3 vạch cản quang ở thân catheter. Có thể sử dụng trong phòng chụp MRI. Có tấm xốp vi lọc cuối chuôi kim ngăn máu trào ngược. Công nghệ không keo, Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Các số 26G x 3/4" (O.D: 0.64 x 19 mm, 19 ml/phút; 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu xanh nước biển; 20G x 1- 1/4" (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng; 18G x 1-3/4" (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): màu xanh lá cây; 16G x 1-3/4" (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám; 14G x 1-3/4" (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam; Tiêu chuẩn CE; DIN EN ISO 13485:2016.	Cái	200	
31	Kim luồn catether tiêu chuẩn	Kim dạng có cánh, có cửa bơm thuốc, được làm bằng chất liệu FEP. Có khả năng lưu kim tới 96h. Có 3 vạch cản quang ở thân catheter. Có thể sử dụng trong phòng chụp MRI. Có tấm xốp vi lọc cuối chuôi kim ngăn máu trào ngược. Công nghệ không keo, Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Các số 26G x 3/4" (O.D: 0.64 x 19 mm, 19 ml/phút; 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu xanh nước biển; 20G x 1- 1/4" (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng; 18G x 1-3/4" (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): màu xanh lá cây; 16G x 1-3/4" (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám; 14G x 1-3/4" (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam; Tiêu chuẩn CE; DIN EN ISO 13485:2016.	Cái	200	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
32	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chích các số	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cổng tiêm.Kết nối khóa ren (Luer lock).Ống tiêm chất liệu FEP, không DEHP, chống xoắn.Đầu kim cắt vát 3 cạnh.Chỉ thị màu phân biệt kích cỡ kim Có vạch cản quang Nút chặn an toàn ở đuôi kim luồn với màng lọc Hydrophobic ngăn máu chảy ra ngoài Thời gian lưu kim $\geq 96h$ Các size 14-24 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE	Cái	35.000	
33	Kim luồn tĩnh mạch an toàn các số	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát - Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm, vật liệu FEP-Teflon. - Kim luồn có cánh, có hoặc không có cửa, G18: tốc độ chảy 96ml/phút, tốc độ chảy 5760 ml/giờ, G20: tốc độ chảy 61ml/phút, tốc độ chảy 3660 ml/giờ, G22: tốc độ chảy 36ml/phút, tốc độ chảy 2160 ml/giờ, G24: tốc độ chảy 22ml/phút, tốc độ chảy 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: G18: 1.3mm x 45mm, G20: 1.1mm x 33mm, G22: 0.9 mm x 25mm, G24: 0.7mm x 19mm - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 - Chứng nhận EC - ISO 10555-5 - Bằng sáng chế : 1-0016123 (Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam)	Cái	15.000	
34	Kim chọc dò tủy sống các số	Đầu kim 3 mặt vát, sắc bén. Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Các cỡ G18, G20, G22, G25, G27. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái	500	
E	Mua sắm test nhanh				
1	Test xét nghiệm nhanh ma túy 4 chân	Là xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh, nhanh chóng, định tính phát hiện các chất gây nghiện (Drug-of-Abuse-DOA) và/ hoặc các chất chuyển hóa của chúng trong nước tiểu người. - Ngưỡng phát hiện (cut-off), MDMA: 500 ng/ml ; MET: 500 ng/ml ; OPIATES Morphin): 300 ng/ml ; THC: 50 ng/ml - Độ nhạy: MDMA: 100 % ; MET: 100 % ; OPIATES: 100 % ; THC: 99,12 % - Độ đặc hiệu: MDMA: 100 % ; MET: 100 % ; OPIATES: 100 % ; THC: 99,53 % - Chứng chỉ CE ; - Thời gian đọc kết quả trong vòng 3-8 phút , không đọc kết quả sau 8 phút. - Các chất dương tính với One step Multi-Drug Screening Test: MDMA(MDA): 2000 ng/ml ; MDMA(MDEA): 1000 ng/ml ; - Các chất gây nhiễu không gây ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm: Glucose (2000 mg/dl) ; Human Albumin (2000 mg/dl) ; Hemoglobin (10 mg/dl) ; Uric acid (10 mg/dl).	Test	10.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
2	Test thử xét nghiệm định tính Morphine	Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu phẩm: Nước tiểu - Phát hiện OPI/Morphine - Độ nhạy tương quan 100 %, Độ đặc hiệu tương quan 100 % - Ngưỡng phát hiện: 300 ng/mL - Chứng chỉ CE ; - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	10.000	
3	Test xét nghiệm nhanh cúm A,B	Phát hiện virus cúm A và/hoặc cúm B trong dịch mũi - Mẫu phẩm: Mẫu phết dịch mũi - Độ nhạy cúm A: 92.56% ; Độ đặc hiệu cúm A: 97.97% - Độ nhạy cúm B: 93.28% ; Độ đặc hiệu cúm B: 97.76 % - Khoảng tin cậy: 95% - Phân loại trang thiết bị y tế loại C hoặc loại D - Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm A (Ab1) (0,16 µg), Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm B (Ab1) (0,16 µg); - Vạch kết quả: Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm A (Ab2) (0,2 µg), Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm B (Ab2) (0,2 µg); - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (0,88 µg)	Test	3.000	
4	Test xét nghiệm nhanh HAV IgM	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM kháng Hepatitis A Virus - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương. - Độ nhạy: 96 % ; Độ đặc hiệu: 99 % Thành phần Kit thử: - Kháng thể đơn dòng kháng HAV (HAV monoclonal antibody): 40 µg/ml; - IgG chuột (Mouse IgG): 40 µg/ml; - Kháng thể kháng chuỗi µ-IgM người (Anti-human IgM µ-chain antibody): 2.25 mg/ml. - Kháng thể đa dòng kháng IgG chuột (anti-mouse polyclonal antibody): 2.0 mg/ml.	Test	300	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
5	Test xét nghiệm nhanh HEV IgM	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM kháng Hepatitis E Virus - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy: 100 % ; Độ đặc hiệu: 99.5 % Thành phần Kit thử: - Kháng nguyên HEV tái tổ hợp (HEV recombinant antigen): 15 µg/ml - Avidin: 15µg/ml; - Kháng thể kháng chuỗi V-IgM người (Anti-human IgM µ-chain antibody): 2.5 mg/ml; - Biotin: 2.0 mg/ml.	Test	300	
6	Test xét nghiệm nhanh Anti-HCV	Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: 100 % - Phân loại trang thiết bị y tế loại C hoặc loại D - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng IgG người - Vạch kết quả kháng nguyên HCV-210 - Vạch chứng IgG người	Test	300	
7	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử xét nghiệm 11 thông số nước tiểu Thành phần tối thiểu: Leukocytes: indoxyl ester 1.4mg,... Ketones: sodium nitroprusside 30.0mg. Nitrite: sulfanilamide 0.65mg, ... Urobilinogen: fast blue B salt 1.2mg. Bilirubin: 2,4-dichlorobenzene diazonium 14.3mg. Protein: tetrabromphenol blue 0.36mg. Glucose: glucose oxidase 800 I.U., ... Specific Gravity: bromthymol blue 0.4mg. Blood: cumene hydroperoxide 35.2mg, ... pH: bromxylenol blue 3.3mg, ... Ascorbic Acid: 2,6-dichloro-phenol-indophenol 0.5mg Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Test	60.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
F	Vật tư phẫu thuật mắt Phaco				
1	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, không ngâm nước	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, một mảnh, càng đôi, không ngâm nước, màu vàng, thiết kế 2 càng kép, - Vật liệu chế tạo SEMTE, - Thiết kế quang: Phi cầu - Quang sai trung tính (2 mặt lõi 0.0D- +35D) - Chất liệu: Hydrophobic Acrylic hấp thụ UV và lọc ánh sáng xanh, - Đường kính quang 6.0mm, - Đường kính tổng 13mm - Chỉ số khúc xạ 1.47 - Dải công suất từ 0D - +9.0D (mức tăng 1D); từ + 10D - + 30D (Mức tăng 0.5D); từ + 31.D - +35.0D (mức tăng 1D) - Kích thước vết mổ 2.2- 2.4 mm - Hãng số A 118.9 (SRK/T) - Chỉ số ABBE: 58 - Cung cấp injector kèm catridge sử dụng một lần + Độ sâu tiền phòng: ACD 5.49	Cái	100	
2	Miếng dán mi loại to	Kích thước: 10x 12cm.	Cái	100	
3	Dao bẻ góc 15 độ dùng trong phẫu thuật mắt.	Dao bẻ góc 15 độ Lưỡi làm bằng thép không rỉ, Premier edge slit scalpel , Tuân thủ OSHA và CMS. Tay cầm nhựa, - Tạo độ mở rộng 15 độ, góc tạo độ sâu từ 3-5mm- Cạnh xiên của mũi dao có gờ kép, vát- Mũi dao nhọn- Đóng trong túi tiệt trùng vô khuẩn.	Cái	20	
4	Dao lạng mỏng	Dao lạng mỏng Dùng lạng mỏng, kích thước 3,0mm Dùng để mổ mỏng thịt và cắt bề cùng mạc. Lưỡi làm bằng thép không rỉ, Premier edge slit scalpel , Tuân thủ OSHA và CMS Lưỡi dao bẻ góc Đóng túi tiệt trùng vô khuẩn 6 chiếc/ hộp	Cái	6	
5	Dao mổ phaco 2.85mm - 3,2mm	Lưỡi làm bằng thép không rỉ, không gây chói Premier edge slit scalpel , Tuân thủ OSHA và CMS Kích cỡ lưỡi dao mổ 2,85mm: -3.2mm Lưỡi dao bẻ góc và có cạnh xiên lên trên.	Cái	20	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
6	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật Phaco 2%	Chất nhầy phẫu thuật Aurovisc, + Thành phần Hypromellose Ophthalmic Solution 2,0% W/v, + Độ tập trung: 20mg/ml (2%), + Trọng lượng phân tử: 86 000 daltons, + Độ nhớt @27 độ C: 3000-4500cps, + Độ thẩm thấu: 250-350 mOsm / kg, + PH: 6,0-7,8 + Đóng gói: 2ml đóng gói trong túi đã tiệt trùng 2 lớp	Xylanh	30	
7	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật Phaco 1,6%	Chất nhầy gốc Hyaluronate hàm lượng 1.6% - Nồng độ: 14.4-17.6 mg/ml - Dung tích khoảng 1,1 ml - Độ nhớt 400,000 mPas - Độ PH: 6,8 – 7,6 - Trọng lượng phân tử khoảng: 3,000,000 Dalton - Độ thẩm thấu 300 – 350 mOSm/kg - Điều kiện bảo quản: 2 – 25 độ - Tiệt trùng: hơi và ethylene-oxide - Kim 27G Đạt tiêu chuẩn Châu Âu	Xylanh	15	
8	Chỉ khâu nhãn khoa 9,0/10,0	Chỉ khâu phẫu thuật mắt số 9; 10, có 2 kim Chỉ không tiêu AS -140-6 Đường kính 0.15mm Chiều dài từ 6.0 - 6.2mm 3/8 đường tròn 140° Chiều dài chỉ: 30cm	Sợi	48	
9	Thuốc nhuộm bao dùng trong phẫu thuật mắt.	Thành phần có trypan blue 0.06% kết hợp với Natri chlorid và dung dịch đệm, giúp quan sát xé bao thủy tinh thể với thủy tinh thể bị đục hoặc mắt có đồng tử hẹp, đường viền quanh vùng xé bao luôn rõ nét khi phẫu thuật, giảm thiểu nguy hại khi chưa hoàn thành xé bao, đóng gói trong lọ vô khuẩn, Dung tích 1 ml. Bảo quản nơi râm mát, tránh ánh sáng	Lọ	5	

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM NĂM 2023 – 2024
(Kèm theo Công văn số: 234 /BVĐKHL ngày 11/8/2023 của Bệnh viện Đa khoa Hạ Long)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
G	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học 18 thông số Model KX21/XP100, Hãng Sysmex/ Nhật Bản				
1	Thuốc thử pha loãng mẫu bệnh phẩm sử dụng cho máy huyết học 3 thành phần bạch cầu	- Dung dịch dùng để pha loãng máu toàn phần dùng cho máy phân tích huyết học. - Bảo quản: 5-30 độ C - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 30 ngày - Thành phần: Sodium Chloride 6.38 g/l, Boric Acid 1 g/l, Sodium Tetraborate 0.2 g/l, EDTA-2K 0.2 g/l. - Thùng 20 lít - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Thùng	30	
2	Thuốc thử xét nghiệm huyết học ly giải hồng cầu	- Dung dịch ly giải để phá vỡ hồng cầu. Hóa chất được sử dụng với các thiết bị phân tích huyết học của Sysmex. - Bảo quản: 2-35 độ C - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày. - Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8,5g/l và sodium chloride 0.6g/l. - Lọ 500mL - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	45	
3	Dung dịch rửa máy sử dụng cho máy phân tích huyết học	- Dung dịch tẩy kiềm mạnh để loại bỏ các chất phản ứng trên máy Sysmex, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy. - Bảo quản ở 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày - Thành phần: Sodium hypochlorite 5%. - Hộp 50 ml - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	5	
4	Hóa chất kiểm soát đa nồng độ sử dụng để kiểm soát chất lượng các thành phần trong máu.	- Chất kiểm chuẩn. - Bảo quản: từ 2 - 8 độ C - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày - Thành phần: chứa tế bào máu hồng cầu, Bạch cầu cố định từ động vật có vú và tiểu cầu với chất bảo quản . - Lọ 1.5 ml - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	12	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
H	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học 19 thông số Celltac Alpha, Model: MEK-6510K, Hãng Nihon Kohden/Nhật Bản				
1	Thuốc thử pha loãng mẫu bệnh phẩm sử dụng cho máy huyết học 3 thành phần bạch cầu	Dung dịch hoá chất pha loãng máu cho máy xét nghiệm huyết học của hãng Nihon Kohden loại 3 thành phần bạch cầu. Thành phần: NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-Microbial Agent≤1.0% Quy cách đóng gói: Thùng 20 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Thùng	30	
2	Thuốc thử xét nghiệm huyết học ly giải hồng cầu	Dung dịch hoá chất ly giải hồng cầu cho máy xét nghiệm huyết học Nihon Kohden loại 3 thành phần bạch cầu. Thành phần: Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5% Quy cách đóng gói: chai 500ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Chai	45	
3	Dung dịch rửa máy sử dụng cho máy phân tích huyết học	Dung dịch rửa sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Nihon Kohden. Thành phần: Buffer<0.9%, Sufurctant<1.0% Quy cách đóng gói: Thùng 5 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Lọ	5	
4	Hóa chất kiểm soát đa nồng độ sử dụng để kiểm soát chất lượng các thành phần trong máu.	Hóa chất kiểm soát chất lượng thành phần trong máu Quy cách đóng gói: lọ 2ml	Lọ	12	
I	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa XL-200/Erba				
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Urea	Hóa chất xét nghiệm Urea Thành phần có: α-Ketoglutarate: 5.49 mmol/l; Urease (Jack Bean) ≥ 10 KU/l; GLDH (Microorganism) ≥ 3.8 KU/l; NADH: 1.66 mmol/l. - Hộp (5x44ml + 5x11 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	20	
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Glucose	Hóa chất xét nghiệm Glucose. Thành phần: Phosphate buffer: 250 mmol/l; Glucose oxidase > 25 U/ml; Peroxidase > 2 U/ml; Phenol: 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine: 0.5 mmol/l. - Hộp (10 x 44ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	25	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
H	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học 19 thông số Celltac Alpha, Model: MEK-6510K, Hãng Nihon Kohden/Nhật Bản				
1	Thuốc thử pha loãng mẫu bệnh phẩm sử dụng cho máy huyết học 3 thành phần bạch cầu	Dung dịch hoá chất pha loãng máu cho máy xét nghiệm huyết học của hãng Nihon Kohden loại 3 thành phần bạch cầu. Thành phần: NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-Microbial Agent≤1.0% Quy cách đóng gói: Thùng 20 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Thùng	30	
2	Thuốc thử xét nghiệm huyết học ly giải hồng cầu	Dung dịch hoá chất ly giải hồng cầu cho máy xét nghiệm huyết học Nihon Kohden loại 3 thành phần bạch cầu. Thành phần: Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5% Quy cách đóng gói: chai 500ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Chai	45	
3	Dung dịch rửa máy sử dụng cho máy phân tích huyết học	Dung dịch rửa sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Nihon Kohden. Thành phần: Buffer<0.9%, Sufurctant<1.0% Quy cách đóng gói: Thùng 5 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Lọ	5	
4	Hóa chất kiểm soát đa nồng độ sử dụng để kiểm soát chất lượng các thành phần trong máu.	Hóa chất kiểm soát chất lượng thành phần trong máu Quy cách đóng gói: lọ 2ml	Lọ	12	
I	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa XL-200/Erba				
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Urea	Hóa chất xét nghiệm Urea Thành phần có: α-Ketoglutarate: 5.49 mmol/l; Urease (Jack Bean) ≥ 10 KU/l; GLDH (Microorganism) ≥ 3.8 KU/l; NADH: 1.66 mmol/l. - Hộp (5x44ml + 5x11 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	20	
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Glucose	Hóa chất xét nghiệm Glucose. Thành phần: Phosphate buffer: 250 mmol/l; Glucose oxidase > 25 U/ml; Peroxidase > 2 U/ml; Phenol: 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine: 0.5 mmol/l. - Hộp (10 x 44ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	25	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Creatinine	- Hóa chất xét nghiệm Creatinin. - Thành phần: Sodium Hydroxide:240 mmol/l; Picric Acid:26 mmol/l. - Hộp (5 x 44ml + 5x11 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	20	
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ AST/GOT	Hoá chất xét nghiệm GOT. - Thành phần: L-aspartic acid: 340 mmol/l; LDH $\geq$ 4000 U/l; MDH $\geq$ 750 U/l; CAPSO: 20 mmol/l; 2-oxoglutarate: 85 mmol/l; NADH: 1.05 mmol/l. - Hộp (6x44ml + 6x11 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	20	
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ ALT/GPT	Hoá chất xét nghiệm GPT. - Thành phần: L-Alanine: 709 mmol/l; LDH $\geq$ 2000 U/l; CAPSG: 20 mmol/l; 2-oxoglutarate: 85 mmol/l; NADH:1.05 mmol/l. - Hộp (6x44ml + 6x11 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	20	
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol. - Thành phần: Phenol: 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine: 0.3 mmol/l; Cholesterol esterase $\geq$ 200 U/l; Cholesterol oxidase $\geq$ 50 U/l ; Peroxidase $\geq$ 3 kU/l. - Hộp (10 x 44ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	10	
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Albumin	Hóa chất xét nghiệm Albumin. - Hộp (10 x 44ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	7	
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Triglycerides	Hóa chất xét nghiệm Triglycerid. - Thành phần: 4-Chlorophenol: 4 mmol/l; Mg 2+ : 15 mmol/l; ATP: 2 mmol/l; Glycerolkinase $\geq$ 0,4 KU/l; Peroxidase $\geq$ 2,0 KU/l; Lipoproteinlipase $\geq$ 2,0 KU/l; Glycerol-3-phosphate-Oxidase $\geq$ 0,5 KU/l; 4-Aminoantipyrine: 0,5 mmol/l. - Hộp (10 x 44ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	10	
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Protein Total	Hóa chất xét nghiệm Protein Total. - Hộp (10x44 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	7	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Uric Acid	Hóa chất xét nghiệm acid uric. - Thành phần: Pipes Buffer (pH 7.0): 50 mmol/l; 4-Aminoantipyrine: 0.375 mmol/l; Uricase $\geq$ 200 U/l; Peroxidase $\geq$ 5000 U/l - Hộp (5x44 + 5x11 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	3	
11	Chất hiệu chuẩn đa năng sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa. - Hộp (4 x 3 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	10	
12	Vật liệu kiểm soát chất lượng máy xét nghiệm sinh hóa mức 1	Hóa chất chuẩn các tham số xét nghiệm sinh hóa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa. - Lọ 5ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	13	
13	Vật liệu kiểm soát chất lượng máy xét nghiệm sinh hóa mức 2	Hóa chất chuẩn các tham số xét nghiệm sinh hóa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa. - Lọ 5ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	13	
14	Bóng đèn sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bóng đèn sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cái	5	
K	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy xét nghiệm đông máu Coagulyzer 100/Analyticon				
1	Thuốc thử định lượng Fibrinogen trong huyết thanh	Hóa chất định lượng Fibrinogen trong huyết thanh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	12	
2	Định lượng đo thời gian đông máu (PT)	Hóa chất Định lượng đo thời gian đông máu PT. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	25	
3	Thuốc thử định lượng đo thời gian đông máu (APTT)	Hóa chất định lượng đo thời gian đông máu APTT. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	12	
4	Hóa chất pha loãng mẫu xét nghiệm đông máu APTT	Hóa chất pha loãng mẫu xét nghiệm đông máu APTT. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	12	
5	Hóa chất pha loãng mẫu xét nghiệm đông máu Fibrinogen	Hóa chất pha loãng mẫu xét nghiệm đông máu Fibrinogen. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	12	
6	Thuốc thử kiểm tra giá trị trung bình thông số xét nghiệm đông máu	Hóa chất pha loãng mẫu xét nghiệm đông máu Fibrinogen. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	3	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
7	Thuốc thử kiểm tra giá trị cao thông số xét nghiệm đông máu	Hóa chất kiểm tra giá trị trung bình thông số xét nghiệm đông máu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	3	
8	Hóa chất rửa máy xét nghiệm đông máu	Hóa chất rửa máy xét nghiệm đông máu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	12	
9	Chất hiệu chuẩn thông số xét nghiệm đông máu	Hóa chất hiệu chuẩn thông số xét nghiệm đông máu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	4	
10	Bộ Cuvettee sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	5	